

Số: 17/BC-THCSPV

Đức Phố, ngày 19 tháng 5 năm 2026

BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN
Năm học 2025-2026

I. THÔNG TIN CHUNG

1. Tên cơ sở giáo dục: Trường THCS Phố Vinh

2. Địa chỉ trụ sở chính: Tổ dân phố Trung Lý, Phường Phố Vinh

Điện thoại: 055 3859 646

Địa chỉ thư điện tử: c2phovinh.quangngai@moet.edu.vn

Cổng thông tin điện tử: <http://c2phovinhdp.quangngai.edu.vn/>

3. Loại hình của cơ sở giáo dục: công lập

4. Sứ mạng, tầm nhìn, mục tiêu của cơ sở giáo dục:

a, Sứ mệnh

- Tạo dựng một môi trường giáo dục an toàn – thân thiện – năng động - sáng tạo và hạnh phúc để học sinh được phát huy tối đa khả năng của bản thân, đáp ứng được mong mỏi của vcha mẹ học sinh và yêu cầu đổi mới ngày càng cao của xã hội.

- Tạo ra các thể hệ học sinh phát triển toàn diện. Coi trọng giáo dục lý tưởng, đạo đức và kỹ năng giao tiếp, ứng xử song hành với phát triển năng lực, định hướng nghề.

- Nâng cao chất lượng văn hóa đại trà và chất lượng học sinh giỏi, tạo điều kiện để mỗi học sinh có một môi trường phát triển bình đẳng, có cơ hội phát triển năng lực tiềm ẩn và tư duy sáng tạo, nhạy bén trong cuộc sống, biết nắm bắt cơ hội để tỏa sáng và thành công.

- Cung cấp cho xã hội những học sinh có kiến thức, có tâm hồn trong sáng, có thể lực mạnh khỏe để tiếp tục học lên bậc học cao hơn hoặc tham gia lao động sản xuất, giúp các em trở thành các công dân có ích, có lý tưởng và trung thành với Tổ quốc Việt Nam xã hội chủ nghĩa.

b, Tầm nhìn

Trở thành ngôi trường có bề dày về truyền thống giáo dục toàn diện và có

chất lượng, nơi mà cha mẹ học sinh sẽ lựa chọn để con em mình được học tập và rèn luyện. Đây cũng là nơi giáo viên luôn có khát vọng được cống hiến và học sinh luôn có khát vọng vươn lên để phát huy truyền thống hiếu học sẵn có và đam mê sáng tạo.

c, Mục tiêu chiến lược

- Nâng cao chất lượng đội ngũ cán bộ, giáo viên, nhân viên đáp ứng yêu cầu phát triển giáo dục.

- Nâng cao chất lượng giáo dục toàn diện cho học sinh.

- Đẩy mạnh công tác xã hội hóa giáo dục, huy động các nguồn lực để nhà trường phát triển bền vững; hoàn thiện cơ sở vật chất, các phòng chức năng, sân chơi, bãi tập, tường rào, các trang thiết bị phục vụ dạy và học Chương trình giáo dục phổ thông 2018 nói riêng và giảng dạy, học tập theo định hướng phát triển phẩm chất và năng lực nói chung.

- Xây dựng nhà trường có uy tín về chất lượng giáo dục cùng với các trường trong thị xã và là mô hình giáo dục hiện đại, tiên tiến phù hợp với xu thế phát triển của đất nước và khu vực.

- Trường được công nhận kiểm định chất lượng giáo dục từ mức độ 2, đạt chuẩn quốc gia mức độ 1 vào năm 2020. Giữ chuẩn quốc gia mức độ 1 đến năm 2025 và đề nghị cấp trên tổ chức đánh giá công nhận trường đạt kiểm định chất lượng mức độ 3, đạt chuẩn quốc gia mức độ 2 giai đoạn từ 2021-2025 và đề nghị công nhận đạt kiểm định chất lượng mức độ 4 giai đoạn từ 2026-2030.

d, Mục tiêu cụ thể

- *Mục tiêu ngắn hạn:* Năm 2025, Trường THCS Phò Vinh cải tiến chất lượng giáo dục toàn diện, hoàn thiện các hạng mục cơ sở vật chất, đảm bảo các tiêu chí, tiêu chuẩn giữ vững trường đạt chuẩn quốc gia mức độ 2 và đạt kiểm định chất lượng giáo dục mức độ 3.

- *Mục tiêu trung hạn:* Đến năm 2026, Trường THCS Phò Vinh duy trì và giữ vững đạt kiểm định chất lượng giáo dục cấp độ 3 và chuẩn quốc gia mức độ 2, có cơ sở vật chất được đầu tư khang trang, hiện đại, khẳng định được chất lượng giáo dục bền vững.

- *Mục tiêu dài hạn:* Từ năm 2026 đến năm 2030, phấn đấu đạt được các mục tiêu sau:

+ Chất lượng giáo dục được khẳng định trong топ đầu những trường có chất lượng của tỉnh Quảng Ngãi.

+ Xây dựng trường đạt trường chuẩn Quốc gia mức độ 2 và đạt kiểm định chất lượng giáo dục cấp độ 4.

5. Tóm tắt quá trình hình thành và phát triển của cơ sở giáo dục.

Trường THCS Phổ Vinh được thành lập năm 1989 theo Quyết định số 276/QĐ-UBND ngày 25 tháng 6 năm 1989 của Chủ tịch UBND huyện Đức Phổ tại thôn Trung Lý, xã Phổ Vinh (nay là Trường Tiểu học Phổ Vinh). Năm 1989, Chi bộ Giáo dục xã Phổ Vinh của Nhà trường được thành lập với 3 đảng viên chính thức. Hiện nay Chi bộ nhà trường có 19 đảng viên.

Từ tháng 01 năm 2000, Trường THCS Phổ Vinh được chuyển đến địa điểm mới tại thôn Trung Lý, xã Phổ Vinh (gần Cầu Đập Chùa) gồm 16 lớp với 687 học sinh và 28 cán bộ, giáo viên và nhân viên. Đến năm học 2002 – 2003, Trường có 20 lớp với 758 học sinh và 31 cán bộ, giáo viên và nhân viên. Diện tích vườn trường hơn 9.000m², cơ bản đủ các phòng học, phòng chức năng và phòng làm việc. Đến tháng 01 năm 2011 Trường được công nhận là Trường đạt chuẩn quốc gia giai đoạn 2010-2015.

Năm 2020-2021, Trường có 12 lớp với 419 học sinh (*Đầu năm 417, đầu Học kì II chuyển đến 02*), 28/20 cán bộ, giáo viên và nhân viên. Có 04 tổ chuyên môn là Tự nhiên 1, Tự nhiên 2, Xã hội và Ngoại ngữ. Diện tích vườn trường 13.174 m², có đủ phòng học, phòng bộ môn (6 phòng bộ môn bàn giao đưa vào sử dụng tháng 01/2021), 01 Nhà tập đa năng, hồ bơi và cơ bản đủ phòng chức năng và phòng làm việc. Tháng 12/2020, đơn vị được UBND Tỉnh công nhận Trường đạt chuẩn quốc gia mức 1 và tiếp tục kế hoạch xây dựng trường đạt chuẩn Quốc gia mức độ 2 đến năm 2025.

Năm học 2021-2022, trường đã vận động tổ chức Phi chính phủ xây dựng 01 thư viện và trang bị nguồn tài nguyên thông tin, hệ thống máy vi tính, thiết bị chuyên dùng, phần mềm quản lý và đọc sách trực tuyến đảm bảo vận hành Thư viện bước đầu hiệu quả.

Năm học 2022-2023, Trường có 11 lớp với 392 học sinh (*Đầu năm 396, bỏ học 03, nghỉ điều trị bệnh 01*), 27 cán bộ, giáo viên và nhân viên (19 nữ) gồm Hiệu trưởng, Phó Hiệu trưởng, 01 nhân viên và 24 giáo viên. Có 03 tổ chuyên môn là Tự nhiên, Xã hội và Ngoại ngữ.

Năm học 2024-2025, Trường có 11 lớp với 398 học sinh. Cuối năm có 395 học sinh (*chuyển đi 01, xin bảo lưu vì sức khoẻ 02*). Nhà trường đã vận động xây dựng không gian đọc mở cho Thư viện; đầu tư cơ sở vật chất, xây dựng các hạng mục cải tiến chất lượng và hoàn thiện các tiêu chí, tiêu chuẩn và được công nhận Kiểm định chất lượng giáo dục cấp độ 3 và Trường đạt chuẩn quốc gia mức

2 tháng 12/2024. Tháng 5/2023 Thư viện Nhà trường được danh giá và công nhận đạt các tiêu chuẩn mức 2 của thông tư 16/2022/TT-BGDĐT.

Năm học 2025-2026, Trường có 12 lớp với 403 học sinh (Đầu năm 408, trong đó, 1 mất, 03 hs nghỉ học, 01 học sinh nghỉ vì bệnh). Nhà trường đã có đủ 04 tổ chuyên môn là Khoa học Tự nhiên, Khoa học Xã hội, Ngoại ngữ và Tô Văn phòng với 26 cán bộ, giáo viên, nhân viên. Hiện tại, Nhà trường có 21/24 (87,5%) giáo viên đạt chuẩn trình độ đào tạo, trong đó, có 02/24 (8,3%) trên chuẩn. Số giáo viên chưa đạt chuẩn 03/24 (12,5%), trong đó có 02 giáo viên lớn tuổi không tham gia học nâng chuẩn. Trường có 3 giáo viên đạt danh hiệu chiến sĩ thi đua cấp tỉnh, 20 giáo viên đạt chiến sĩ thi đua cơ sở; có 20 giáo viên đạt danh hiệu giáo viên dạy giỏi cấp cơ sở; 16 giáo viên đạt danh hiệu giáo viên dạy giỏi cấp tỉnh.

Trong những năm qua, công tác dạy học và tổ chức các hoạt động giáo dục luôn được nhà trường tập trung đầu tư cao nhất. Việc đào tạo chất lượng học sinh giỏi được chú trọng. Chất lượng giáo dục toàn diện được nâng lên, tỉ lệ học sinh khá, giỏi ngày càng tăng. Học sinh lớp 9 tốt nghiệp THCS 100%, tiếp tục học ở bậc phổ thông trung học 96,6% và học nghề ngày càng đông, học sinh thi đỗ vào các trường đại học, cao đẳng tăng dần. Học sinh đạt giải các cấp tăng ổn định.

Chi bộ nhà trường có 21 đồng chí. Trong 5 năm gần đây, Chi bộ liên tục đạt chi bộ hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ 05 năm liên. Chi bộ được Đảng ủy phường Phở Vinh, Thị ủy Đức Phổ tặng giấy khen hàng năm và các thành tích điển hình trong học tập và làm theo tấm gương đạo đức Hồ Chí Minh và tinh thần tăng cường 5 năm hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ (Giải đoàn năm 2020 -2024). Năm 2025, chi bộ được công nhận Hoàn thành tốt nhiệm vụ. Chi bộ được Đảng ủy phường Đức Phổ công nhận Chi bộ thực hiện Tốt phong trào 4 Tốt giải đoàn 2022-2025.

Chi đoàn hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ 5 năm (2020, 2021, 2023, 2024, 2025) và hoàn tốt nhiệm vụ năm 2022. Liên đội nhà trường đạt và giữ vững Liên đội xuất sắc cấp tỉnh 21 năm liên. Năm 2019-2020, Liên đội đạt Liên đội mạnh và được Hội đồng đội Tỉnh và Trung ương Đoàn tặng bằng khen. Năm học 2020-2021 đến 2024-2025, đạt Liên đội mạnh cấp tỉnh và được Hội đồng đội tỉnh Quảng Ngãi tặng giấy khen. Năm học 2024-2025, được công nhận Liên đội xuất sắc cấp tỉnh và được Tỉnh Đoàn tặng bằng khen.

Năm học 2024-2025, đơn vị được Chủ tịch UBND thị xã Đức Phổ công nhận Tập thể lao động tiên tiến và tặng giấy khen; Chủ tịch UBND tỉnh công nhận Tập thể lao động xuất sắc và tặng Bằng khen; 26/26 cán bộ, giáo viên, nhân viên nhà trường được công nhận đạt Danh hiệu Lao động tiên tiến; 05 cán bộ, giáo viên

được công nhận Chiến sĩ thi đua cơ sở; 05 cán bộ, giáo viên được Chủ tịch UBND Thị xã tặng giấy khen và 01 cá nhân được Chủ tịch UBND tỉnh tặng Bằng khen. Năm 2025, Nhà trường được công nhận Hoàn thành tốt nhiệm vụ.

6. Thông tin người đại diện pháp luật:

Họ và tên: Võ Thị Thanh Sương

Chức vụ: Bí thư chi bộ, Hiệu trưởng

Địa chỉ nơi làm việc: Tổ dân phố Trung Lý, p. Phổ Vinh, thị xã Đức Phổ

Số điện thoại: 0985677320

Địa chỉ thư điện tử: c2phovinh.quangngai@moet.edu.vn

7. Tổ chức bộ máy:

a) Quyết định 276/QĐ-UB ngày 25/6/1989 của Chủ tịch UBND huyện Đức Phổ về việc tách trường PTCS thành trường PTCS cấp I và PTCS cấp II;

b) Quyết định 4037/QĐ-UBND ngày 13/11/2024 về việc kiện toàn Hội đồng trường Trường THCS Phổ Vinh, nhiệm kỳ 2021-2026; Quyết định 4331/QĐ-UBND ngày 02/12/2024 về việc công nhận chủ tịch Hội đồng trường Trường THCS Phổ Vinh, nhiệm kỳ 2021-2026;

c) Quyết định số 767/QĐ-UBND ngày 31/7/2025 của Chủ tịch UBND phường Đức Phổ về việc bổ nhiệm bà Võ Thị Thanh Sương giữ chức vụ Hiệu trưởng Trường THCS Phổ Vinh; và Quyết định số 785/QĐ-UBND ngày 31/7/2025 của Chủ tịch UBND phường Đức Phổ về việc bổ nhiệm ông Nguyễn Văn Tươi giữ chức vụ Phó Hiệu trưởng Trường THCS Phổ Vinh;

d) Quy chế tổ chức và hoạt động của cơ sở giáo dục:

Thực hiện Thông tư số 32/2020/TT-BGDĐT, ngày 15 tháng 9 năm 2020 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành Điều lệ trường trung học cơ sở, trường trung học phổ thông và trường phổ thông có nhiều cấp học.

e) Sơ đồ tổ chức bộ máy của Trường THCS Phổ Vinh



8. Các văn bản khác của Nhà trường:

- Phương hướng Chiến lược Số 07/PHCL-THCS xây dựng và phát triển giai đoạn 2021-2025, tầm nhìn đến năm 2030;
- Quyết định số 30/QĐ-THCS ngày 20 tháng 10 năm 2020 của Hiệu trưởng Trường THCS Phổ Vinh về việc Ban hành Quy tắc ứng xử văn hóa trong trường học.

II. ĐỘI NGŨ NHÀ GIÁO, CÁN BỘ QUẢN LÝ VÀ NHÂN VIÊN

TT	Nội dung	Tổng số	Trình độ đào tạo				Hạng chức danh nghề nghiệp				Chuẩn nghề nghiệp				Thay đổi so với năm 2024-2025
			Th S	Đ H	CD	TC	Hạng VI	Hạng III	Hạng II	Hạng I	Tổ t	Kh á	Hoàn n thành	Khôn g hoàn thành	
	Tổng số giáo viên, cán bộ quản lý và nhân viên	28	2	21	3	2	2	12	13	1	26	0	0	0	Tổng số 28; Tăng 02 giáo viên hợp đồng
I	Giáo viên: 28													Tăng 02 giáo viên hợp đồng	
	Trong đó số giáo viên dạy môn:														
1	Toán	3		3				2	1						
2	Vật lý	1		1				1							
3	Hóa học	1		1					1						
4	Sinh học	2		2				1	1						
5	Tiếng Anh	4		1	3			3	1						
6	GDCD	1		1					1						
7	Lịch sử	2		2				1	1						01 Giáo viên hợp đồng
8	Địa lý	1		1					1						
9	Tin học	1	1	1					1						
10	Âm nhạc	0		0					0						Thiếu 01
11	Mĩ thuật	1		1					1						

12	Thế dục	2		1	1			2							
13	Ngữ văn	3			3				3						
14	Công nghệ	1		1				1							
15	Tổng phụ trách Đội	1		1				1							Giáo viên hợp đồng
II Cán bộ quản lý															Không
1	Hiệu trưởng	1	1						1						
2	Phó Hiệu trưởng	1		1					1						Thiếu 1
III Nhân viên															
1	Nhân viên kế toán – Văn thư	1			1										
2	Nhân viên y tế- Thủ quỹ	0					0								Thiếu 01
3	Nhân viên thư viện - thiết bị	1					1								
4	Giáo vụ	0					0								Thiếu 01

III. CƠ SỞ VẬT CHẤT

STT	Nội dung	Số lượng	Bình quân
I	Số phòng học	12	1,48 m ² /học sinh
II	Loại phòng học		-
1	Phòng học kiên cố	9	50 -55 m ²
2	Phòng học bán kiên cố	3	50 - 55 m ²
3	Phòng học tạm	0	-
4	Phòng học nhờ	0	-
5	Số phòng học bộ môn	10	64 m ²

6	Số phòng bộ môn dùng chung	1	50 m ²
7	Bình quân lớp/phòng học	1	-
8	Bình quân học sinh/lớp	3,9	-
III	Số điểm trường	1	-
IV	Tổng số diện tích đất (m²)	13.174 m ²	32,36 m ² /học sinh
V	Tổng diện tích sân chơi, bãi tập (m²)	5.300m ²	13m ² / học sinh
VI	Số lượng các phòng theo Thông tư 13/2020/TT-BGDĐT	Số lượng	Ghi chú
1	Khối phòng hành chính quản trị		
	Phòng Hiệu trưởng	1	
	Phòng Phó Hiệu trưởng	1	
	Văn phòng	1	
	Phòng bảo vệ	1	
	Phòng của các tổ chức Đảng, đoàn thể	1	Thiếu 01
	Khu vệ sinh giáo viên, cán bộ, nhân viên	1	
	Khu để xe của giáo viên, cán bộ, nhân viên	1	
2	Khối phòng học tập	Số lượng	Diện tích bình quân
	Phòng học	12	50 m ² / phòng
	Phòng học bộ môn Âm nhạc	1	58m ² / phòng
	Phòng học bộ môn Mỹ thuật	1	104,4m ² / phòng
	Phòng học bộ môn Công nghệ	1	104,4m ² / phòng
	Phòng học bộ môn Khoa học tự nhiên	2	104,4m ² / phòng
	Phòng học bộ môn Khoa học xã hội	2	104,4m ² / phòng
	Phòng học bộ môn Tin học	1	104,4m ² / phòng
	Phòng học bộ môn Ngoại ngữ	2	104,4m ² / phòng
	Phòng bộ môn dùng chung	1	58m ² / phòng
3	Khối phòng hỗ trợ học tập		
	Thư viện	1 (144 m ²)	Đạt chuẩn mức 2 theo QĐ số 55/QĐ-PGDĐT
	Phòng thiết bị giáo dục	1	
	Phòng tư vấn học đường và hỗ trợ giáo dục học sinh khuyết tật học hòa nhập	1	

	Phòng truyền thống	1	
	Phòng Đoàn, Đội	1	
4	Khối phụ trợ		
	Phòng họp	1	
	Phòng các tổ chuyên môn	3	
	Phòng Y tế trường học	1	
	Phòng nghỉ giáo viên	0	Thiếu 02
	Phòng giáo viên	1	
	Nhà kho	0	Thiếu 1
	Khu để xe học sinh	3	Đã xây dựng tháng 12 năm 2024
	Khu vệ sinh học sinh	4	
	Cổng	2	Cổng chính và phụ
5	Hàng rào	1	Đã xây dựng hoàn thiện năm 2024
	Khu sân chơi, thể dục thể thao		Bình quân
	Sân chơi (Đã kiên cố tháng 12/2025)	2.500m ²	6,3m ² / học sinh
	Sân tập (đã trang bị đủ dụng cụ tập và đã kiên cố hoá tháng 12/2025)	2.800 m ²	7m ² / học sinh
	Nhà đa năng	1	704 m ²
6	Hạ tầng kĩ thuật		
	Hệ thống cấp nước sạch	1	Đạt QCVN 01:2009/BYT
	Hệ thống cấp điện	2	
	Hệ thống phòng cháy, chữa cháy		Thiếu thiết kế PCCC các khối phòng
	Hạ tầng công nghệ thông tin, liên lạc	03 đường truyền mạng	Đảm bảo vận hành tốt
	Khu thu gom và xử lý rác thải	02	Đảm bảo
VII	Tổng số thiết bị dạy học tối thiểu (Đơn vị tính: bộ)	Số bộ/khối	Tỉ lệ đáp ứng
1	Tổng số thiết bị dạy học tối thiểu hiện có theo quy định		
1.1	Khối lớp 6	1	80%
1.2	Khối lớp 7	1	80%
1.3	Khối lớp 8	1	80%

1.4	Khối lớp 9	1	80%
2	Tổng số thiết bị dạy học tối thiểu còn thiếu so với quy định		
2.1	Khối lớp 6	1	20%
2.2	Khối lớp 7	1	20%
2.3	Khối lớp 8	1	20%
2.4	Khối lớp 9	1	20%
VIII	Tổng số máy vi tính đang sử dụng phục vụ học tập (Đơn vị tính: bộ)		Số học sinh/bộ
1	Phòng học	03	
2	Phòng bộ môn Tin	25	1,6/1
3	Phòng bộ môn khác	11	Tăng 5 bộ
IX	Tổng số thiết bị dùng chung khác		Số thiết bị/lớp
1	Ti vi (mua mới năm 2025 02 cái)	27	27/27
2	Cát xét	0	0
3	Đầu Video/đầu đĩa	0	0
4	Máy chiếu OverHead/projector/vật thể	3	3/3
5	Màn hình đa chức năng	1	Thư viện
6	Hệ thống bảng tương tác	2	2/11
7	Hệ thống âm thanh (lớn)	1	
8	Loa kéo lớn	1	
9	Loa kéo nhỏ (Thư viện)	1	
X	Tổng số thiết bị đang sử dụng	Số lượng	Số thiết bị/lớp
1	Ti vi	27	27/27
2	Cát xét	0	
3	Đầu Video/đầu đĩa	0	
4	Máy chiếu OverHead/projector/vật thể	4	3/3
5	Máy vi tính (giảm 16 hồng, tăng 5 tặng)	58	Thư viện (12 bộ)
6	Màn hình đa chức năng	1	Thư viện
7	Hệ thống bảng tương tác	2	Ngoại ngữ
8	Máy phô tô	3	Thư viện, văn phòng
9	Máy in (Năm 2025 mua 4 máy cho phòng HT, PHT, VP, Đoàn-Đội; chuyển các máy cũ sang phòng Tổ KHXH, TVTL và Phòng Ngoại ngữ 2)	12	(Phòng BMCN 1, Văn phòng 1, HT 1, PHT 1, Thư viện 2, Tổ Tiếng Anh 1, Tổ KHTN 1)
10	Máy scan (phòng PHT)	1	Văn phòng

11	Hệ thống âm thanh (lớn)	1				
12	Loa kéo lớn	1				
13	Loa kéo nhỏ (Thư viện)	1				
XI	Nhà vệ sinh	Dùng cho giáo viên	Dùng cho học sinh	Số m ² /học sinh		
			Chung	Nam/Nữ	Chung	Nam/Nữ
1	Đạt chuẩn vệ sinh*	1	0	3	0	
2	Chưa đạt chuẩn vệ sinh*	0	0	0	0	0

(*Theo Thông tư số 32/2020/TT-BGDĐT ngày 15/9/2020 của Bộ GDĐT ban hành Điều lệ trường trung học cơ sở, trường trung học phổ thông và trung học phổ thông có nhiều cấp học và Thông tư số 27/2011/TT-BYT ngày 24/6/2011 của Bộ Y tế ban hành quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về nhà tiêu - điều kiện bảo đảm hợp vệ sinh).

	Nội dung	Có	Không
XV	Nguồn nước sinh hoạt hợp vệ sinh	x	
XVI	Nguồn điện (lưới, phát điện riêng)	x	
XVII	Kết nối internet	3 đường truyền	
XVIII	Trang thông tin điện tử (website) của trường	http://c2phovinhdh.quangngai.edu.vn/	
XIX	Tường rào xây	Đảm bảo theo quy định	

IV. KIỂM ĐỊNH CHẤT LƯỢNG GIÁO DỤC

- Có 28/28 tiêu chí đạt mức 01 (tỉ lệ 100%); 28/28 tiêu chí đạt mức 02 (tỉ lệ 100%); 20/20 tiêu chí đạt mức 03 (tỉ lệ 100%). Cụ thể như sau:

Tiêu chuẩn, tiêu chí	Nội dung	Kết quả			Kế hoạch cải tiến
		Đạt			
		Mức 1	Mức 2	Mức 3	
Tiêu chuẩn 1	Tổ chức và quản lý nhà trường.				
Tiêu chí 1.1	Phương hướng, chiến lược xây dựng và phát triển nhà trường	Đạt	Đạt	Đạt	Xây dựng lại năm 2026

Tiêu chí 1.2	Hội đồng trường và các hội đồng khác	Đạt	Đạt	-	Không còn
Tiêu chí 1.3	Đảng cộng sản Việt Nam, các đoàn thể và các tổ chức khác trong nhà trường.	Đạt	Đạt	Đạt	
Tiêu chí 1.4	Hiệu trưởng, Phó Hiệu trưởng, tổ chuyên môn và tổ văn phòng	Đạt	Đạt	Đạt	
Tiêu chí 1.5	Lớp học	Đạt	Đạt	Đạt	
Tiêu chí 1.6	Quản lý hành chính, tài chính và tài sản.	Đạt	Đạt	Đạt	
Tiêu chí 1.7	Quản lý cán bộ, giáo viên và nhân viên.	Đạt	Đạt	-	
Tiêu chí 1.8	Quản lý các hoạt động giáo dục	Đạt	Đạt	-	
Tiêu chí 1.9	Thực hiện quy chế dân chủ cơ sở	Đạt	Đạt	-	
Tiêu chí 1.10	Đảm bảo an ninh trật tự, an toàn trường học.	Đạt	Đạt	-	
Tiêu chuẩn 2	Cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên và học sinh				
Tiêu chí 2.1	Đối với hiệu trưởng, phó hiệu trưởng	Đạt	Đạt	Đạt	
Tiêu chí 2.2	Đối với giáo viên	Đạt	Đạt	Đạt	
Tiêu chí 2.3	Đối với nhân viên	Đạt	Đạt	Đạt	
Tiêu chí 2.4	Đối với học sinh	Đạt	Đạt	Đạt	
Tiêu chuẩn 3	Cơ sở vật chất và thiết bị dạy học				
Tiêu chí 3.1	Khuôn viên, khu sân chơi, bãi tập	Đạt	Đạt	Đảm bảo	Bố trí cây xanh, xây bồn cây bô đề.
Tiêu chí 3.2	Phòng học, phòng học bộ môn và khối phục vụ học tập	Đạt	Đạt	Đủ phòng tổ CM	
Tiêu chí 3.3	Khối hành chính – quản trị	Đạt	Đạt	Đạt	
Tiêu chí 3.4	Khu vệ sinh, hệ thống cấp thoát nước	Đạt	Đạt	-	Xây mới bồn rửa tay

					giáo viên
Tiêu chí 3.5	Thiết bị	Đạt	Đạt	Đạt	Bổ sung đảm bảo TBGD năm 2025
Tiêu chí 3.6	Thư viện	Đạt	Đạt	Đạt	Bổ sung 7 bộ ghế đá vườn đọc TV
Tiêu chuẩn 4	Quan hệ giữa nhà trường, gia đình và xã hội.				
Tiêu chí 4.1	Ban đại diện cha mẹ học sinh.	Đạt	Đạt	Đạt	
Tiêu chí 4.2	Công tác tham mưu cấp ủy Đảng, Chính quyền và phối hợp với các tổ chức, cá nhân của nhà trường	Đạt	Đạt	Đạt	
Tiêu chuẩn 5	Hoạt động giáo dục và kết quả giáo dục				
Tiêu chí 5.1	Thực hiện Chương trình giáo dục phổ thông	Đạt	Đạt	Đạt	
Tiêu chí 5.2	Tổ chức hoạt động giáo dục cho học sinh có hoàn cảnh khó khăn, học sinh có năng khiếu, học sinh gặp khó khăn trong học tập và rèn luyện	Đạt	Đạt	Đạt	
Tiêu chí 5.3	Thực hiện nội dung giáo dục địa phương theo quy định	Đạt	Đạt	-	
Tiêu chí 5.4	Các hoạt động trải nghiệm và hướng nghiệp	Đạt	Đạt	-	
Tiêu chí 5.5	Hình thành, phát triển các kỹ năng sống cho học sinh	Đạt	Đạt	Đạt	
Tiêu chí 5.6	Kết quả giáo dục.	Đạt	Đạt	Đạt	

- Mức đánh giá của cơ sở giáo dục: Mức 2. UBND tỉnh và Sở Giáo dục-Đào tạo công nhận Trường THCS Phổ Vinh đạt chuẩn mức độ 2 và đạt kiểm định chất lượng giáo dục cấp độ 3 vào tháng 12/2024.

V. KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG GIÁO DỤC

STT	Nội dung	Tổng số	Chia ra theo khối lớp			
			Lớp 6	Lớp 7	Lớp 8	Lớp 9
I	Số học sinh chia theo hạnh kiểm	404	89	101	109	104
1	Tốt (tỷ lệ so với tổng số)	320 79,4%	71 79,8%	77 76,2%	80 73,4%	92 88,5%
2	Khá (tỷ lệ so với tổng số)	60 14,9%	17 19,1%	18 17,9%	13 11,9%	12 11,5%
3	Đạt (tỷ lệ so với tổng số)	23 5,7%	1 1,1%	6 5,9%	16 14,7%	0
4	Chưa đạt (tỷ lệ so với tổng số)	0	0	0	0	0
5	Không xếp loại (tỷ lệ so với tổng số)	0	0	0	0	0
II	Số học sinh chia theo học lực	404	89	101	109	104
1	Tốt (tỷ lệ so với tổng số)	124 30,77%	28 31,5%	28 27,7%	37 33,9%	31 29,8%
2	Khá (tỷ lệ so với tổng số)	143 35,48%	33 37,0%	36 35,6%	28 25,7%	46 44,2%
3	Đạt (tỷ lệ so với tổng số)	132 32,75%	28 31,5%	34 33,7%	43 39,5%	27 26%
4	Chưa đạt (tỷ lệ so với tổng số)	4 0,99%	0	3 3%	1 0,9%	0
5	Không xếp loại (tỷ lệ so với tổng số)	0	0	0	0	0
III	Tổng hợp kết quả cả năm học 2025-2026					
1	Tổng số	404	89	101	109	104
a	Học sinh Xuất sắc (tỷ lệ so với tổng số)	35 8,68%	8 9%	9 8,9%	13 11,9%	5 4,8%
b	Học sinh Giỏi (tỷ lệ so với tổng số)	89 22,08%	20 22,5%	19 18,8	24 22%	26 25%

2	Chưa đạt (tỷ lệ so với tổng số)	4 0,99	0	3 3%	1 0,9%	0
3	Chuyển trường đến/đi	4/2	0	2/1	1/0	1/1
4	Bị bệnh bảo lưu (tỷ lệ so với tổng số)	1	0	0	0	1
5	Bỏ học (qua kỳ nghỉ hè năm trước và trong năm học) (tỷ lệ so với tổng số)	0	0	0	1	2
6	Mất vì bệnh	01	1	0	0	0
IV	Số học sinh đạt giải các kỳ thi học sinh giỏi	-				
1	Cấp phường	16	-	-	-	16
2	Cấp tỉnh/thành phố	3	-	-	-	3
V	Số học sinh, giáo viên, nhân viên đạt giải các kỳ thi, cuộc thi khác	9				
1	Cấp phường	3				
2	Cấp tỉnh/thành phố	4				
3	Cấp Quốc gia/ Dự án	02				
VI	Tỷ lệ học sinh thi đỗ vào 10 và phân luồng học sinh	ĐP1	LTV	ĐP2	Số lượng	Tỷ lệ
1	Vào 10	26	22	9	57/59	96,6%
2	Học nghề				16/77	20,7%
VI	Số học sinh nam/số học sinh nữ	197/210	45/43	46/55	55/56	51/56
VII	Số học sinh dân tộc thiểu số	0	0	0	0	0

VI. KẾT QUẢ TÀI CHÍNH

1. Các chỉ số đánh giá về tài chính

TT	Chỉ số đánh giá	Năm báo cáo	Năm trước liền kề năm báo cáo
1	Biên độ hoạt động trung bình 3 năm		6.031,660
2	Chỉ số tăng trưởng bền vững		

2. Kết quả thu chi hoạt động

TT	Chỉ số thống kê	Năm báo cáo	Năm trước liền kề năm báo cáo
----	-----------------	-------------	-------------------------------

A	TỔNG THU HOẠT ĐỘNG	6.464,250	7.250,117
I	Hỗ trợ chi thường xuyên từ Nhà nước/nhà đầu tư	5.931,847	6.341,189
	Số dư năm trước chuyển sang	52,196	464,792
II	Thu giáo dục và đào tạo	480,207	444,136
1	Học phí, lệ phí từ người học	292,000	295,040
1.1	Số dư năm 2024 chuyển sang	188,207	149,096
2	Hợp đồng, tài trợ từ NSNN		0
3	Hợp đồng, tài trợ từ bên ngoài		0
4	Thu khác		0
III	Thu khoa học và công nghệ		0
1	Hợp đồng, tài trợ từ NSNN		0
2	Hợp đồng, tài trợ từ bên ngoài		0
3	Thu khác		0
IV	Thu khác (thu nhập ròng)		0
B	TỔNG CHI HOẠT ĐỘNG	6.464,250	6.845.720
I	Chi lương, thu nhập	5.394,000	5.637,954
1	Chi lương, thu nhập của giảng viên	5.014,000	5.301,494
2	Chi lương, thu nhập cho cán bộ khác	380,000	336.460
II	Chi cơ sở vật chất và dịch vụ	1.031,407	1.027,129
1	Chi cho đào tạo	15,000	10,000
2	Chi cho nghiên cứu		0
3	Chi cho phát triển đội ngũ		
4	Chi phí chung và chi khác	1.016,407	1.017,129
III	Chi hỗ trợ người học	23,847	168,637
1	Chi học bổng và hỗ trợ học tập	23,847	168,637
2	Chi hoạt động nghiên cứu	0	0
3	Chi hoạt động khác		
IV	Chi khác	15,000	12,000
C	CHÊNH LỆCH THU CHI	0	404,397

VII. KẾT QUẢ THỰC HIỆN CÁC NHIỆM VỤ TRỌNG TÂM KHÁC

Thực hiện cải tiến chất lượng một số tiêu chí kiểm định chất lượng giáo dục:

Tiêu chí 2.3: chưa có nhân viên y tế trong năm học.

Tiêu chí 3.1: Hoàn thành các hạng mục công trình năm 2025; Trang trí vườn hoa mái taluy phía Bắc và xây bồn cây bồ đề. Xây bồn rửa tay giảng viên, bổ sung ghế đá cho vườn đọc thư viện; trồng cây phủ xanh vườn trường. Thay các bảng

biểu theo tên đơn vị hành chính của chính quyền 2 cấp; khắc phục hệ thống chống sét, lát gạch bị bung khu bộ môn.

Tiêu chí 3.2: Phòng bộ môn được trang bị tivi và máy tính 100%. Bổ sung hàng năm 5 máy vi tính cho phòng tin học năm 2026 đến khi đảm bảo thực hiện tốt chức năng theo yêu cầu chương trình GDPT 2018.

VIII. DỰ KIẾN CẢI TIẾN CHẤT LƯỢNG CÁC TIÊU CHUẨN TỪ NĂM 2026:

- Xây dựng kế hoạch hành động thực hiện cải tiến chất lượng giáo dục theo lộ trình, giữ vững trường đạt chuẩn quốc gia mức độ 2 và hoàn thành đạt Kiểm định chất lượng giáo dục cấp độ 4 đến năm 2029.

- Về cơ sở vật chất, thực hiện dần các nội dung sau:

Tham mưu UBND phường đầu tư hoàn thiện thiết kế phòng cháy chữa cháy theo quy định; làm mái che lối đi nội bộ từ nhà bộ môn ra nhà đa năng; mái che Hồ bơi và hàng rào khu hồ bơi; bê tông khu sân tập (phần còn lại); Trồng cây và giàn hoa tường rào phía đông. Tham mưu mở rộng vườn trường phía Nam, xây dựng sân bóng đá mini.

Thay mái tol, la phòng dãy 4; quét vôi, thay tol dãy 06 phòng học; sửa nền gạch bị bung hành lang và bên trong các phòng bộ môn, Nhà đa năng.

Bổ sung thiết bị giáo dục và tài nguyên thông tin thư viện; nâng cấp hệ thống CNTT ứng dụng vào hoạt động thư viện số, dạy học số; bổ sung hàng năm 05 bộ máy vi tính phòng tin và vào các phòng học.

Tham mưu xây mới 10 phòng học thay cho các phòng học xây từ năm 1999; xây đảm bảo Khu vệ sinh Khô hành chính quản trị; 02 phòng nghỉ giáo viên. Thực hiện số hoá các bảng biểu thông báo trong nhà trường./.

Nơi nhận:

- UBND phường;
- CB, GV, NV trường;
- CMHS trường và HS;
- Lưu VT.

THỦ TRƯỞNG ĐƠN VỊ



Võ Thị Thanh Sương